

# CÁC VĂN HOÁ TIỀN SỬ QUẢNG NINH TRONG BỐI CẢNH RỘNG HƠN

NGUYỄN KHẮC SỬ\*

**T**rên mặt đất, trong lòng đất và dưới đáy biển Quảng Ninh còn lưu dấu ấn văn hoá của nhiều thời đại khảo cổ. Song, sự hiểu biết của chúng ta về những di sản văn hoá này còn rất sơ lược. Bài viết này cố gắng tập hợp những tư liệu khảo cổ học hiện biết về thời đại đá Tiền Hạ Long ở Quảng Ninh. Trên cơ sở đó, bước đầu thảo luận về tính chất, niên đại, các giai đoạn phát triển, cũng như tìm hiểu vị trí của văn hoá tiền sử Quảng Ninh trong bối cảnh rộng hơn.

## I. TƯ LIỆU

Trước nay, khảo cổ học tiền sử Quảng Ninh được xem xét gắn liền với miền Đông Bắc của Tổ quốc và là đại diện cho một vùng quan trọng của tiền sử Việt Nam. Những phát hiện khảo cổ thời đại đồ đá ở Quảng Ninh khá nhiều, song cũng cần phải xem xét lại một cách cẩn trọng những tư liệu do người Pháp và chúng ta đã công bố. Đây là nguồn sử liệu vật thật quan trọng cho nhận thức về tiền sử Quảng Ninh.

1.1. Trước Cách mạng Tháng Tám, một số học giả người Pháp đã tiên phong trong nghiên cứu khảo cổ học tiền sử Việt Nam. Mở đầu là cuộc khai quật của H.Mansuy vào năm 1906 ở hang Thảm Khoách, phố Bình Gia (Lạng Sơn) (Mansuy 1909: 532-543). Với sự hỗ trợ đặc lực của M.Colani công cuộc nghiên cứu vùng này còn tiếp tục cho đến năm 1925 và là cơ sở cho việc xác lập sự tồn tại của văn hoá Bắc Sơn (Mansuy et Colani 1925: 1-47). Từ 1926 đến 1930, M.Colani tập trung nghiên cứu các di tích khảo cổ ở Hoà Bình, rồi Thanh Hoá, Ninh Bình, Hà Nam và Quảng Bình (Colani 1931: 299-422), tiến tới xác lập sự tồn tại của văn hoá Hoà Bình.

Nhưng các phát hiện di tích khảo cổ có niên đại tương tự như vậy ở Quảng Ninh lại được biết đến khá muộn sau này. Có thể lấy mốc năm 1937 - năm mở đầu cho những phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học tiền sử Quảng Ninh.

Năm 1937 - 1938, nữ khảo cổ người Pháp là M.Colani đã phát hiện một loạt địa điểm tiền sử trên vịnh Hạ Long. Đó là

---

\* PGS.TS Nguyễn Khắc Sử, Viện Khảo cổ học

các vết tích đồng rác bếp trong hang Chợ Trời, phía bắc vịnh Courbet (Colani 1939:12), địa điểm Đồng Cầu thuộc làng Yên Mỹ, lúc đó là tỉnh Quảng Yên, địa điểm Hà Giát (Ha Yart) ở đảo Ké Bào (Colani 1938: 93). Do trầm tích các địa điểm này đều chứa ốc sồi, ốc núi, một ít xương động vật, lại cùng nằm với riu mài lưỡi, nên bà cho rằng các di tích này tương tự như các địa điểm thuộc văn hoá Bắc Sơn. Một số di vật phát hiện ở vịnh Hạ Long được M.Colani đưa về Bảo tàng Louis Finot ở Hà Nội (nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam). Một số riu ghè đẽo ở đây đã được phân tích thành phần thạch học, cho kết quả là đá rhyolite và phtanite.

Cùng trong thời gian này, M.Colani còn phát hiện một loạt địa điểm có tầng văn hoá chứa công cụ mài toàn thân và đồ gốm như: Quất Đông Nam, Gò Miếu (huyện Hải Ninh), Làng Bang (huyện Hoàn Bồ), Xóm Nam, Xóm Đông, Xóm Kèo (đảo Tuần Châu) và Cái Bèo (đảo Cát Bà) (Colani 1939:12-19; 1938: 93-96). Phần lớn các địa điểm đó, sau này được chúng ta xếp vào văn hoá Hạ Long.

Đầu năm 1938, nhà khảo cổ học Thụy Điển G.J. Anderson đã khảo sát ở Quảng Ninh, phát hiện một số di chỉ như: Đồng Mang, Xích Thổ ở huyện Hoàn Bồ, đặc biệt địa điểm Đan đô la có di vật khá phong phú. Ông gọi chung cho những di tích này là văn hoá Đa Đô La. Ngày nay, chúng ta biết được Đan đô la chính là địa điểm Ngọc Vũng, thuộc huyện đảo Vân Đồn và thuộc về văn hoá Hạ Long, niên đại hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng thau.

Cuối tháng Ba năm 1938, Anderson đã phát hiện một số hang động có tích tụ là

vỏ ốc nước ngọt trong các hang ở đảo Đá Sinh Đồi, Hang Đục ở phía bắc đảo Thống Nhất, Hang ốc, hang Yên Ngựa, hang Chũ Thập, hang Thiên Tinh và hang Hâu. J.G. Anderson nhấn mạnh đến sự tồn tại của một nhóm cư dân cổ khai thác vỏ ốc nước ngọt, có thể liên quan đến trước lúc biển tiến (Anderson 1939). Song, ông chưa phân lập được các giai đoạn phát triển tiền sử của vùng này.

Năm 1954, được sự giúp đỡ của M.A.Bernard, E.Saurin đã thu thập một số công cụ đá ghè đẽo làm từ cuội rhyolite ở địa điểm Giáp Khẩu, nay là phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long. Sư tập này được ông công bố 2 năm sau đó (Saurin 1956: 581-592). Sư tập Giáp Khẩu, theo phân loại của E.Saurin có các loại: 1 công cụ hình đĩa ghè đẽo hai mặt; 2 chiếc nạo có dấu tu chỉnh ở rìa lưỡi; 1 công cụ chặt hình elip; 1 công cụ hình riu ngắn, 1 công cụ hình tam giác, 1 mũi nhọn. Những công cụ này đều được làm từ rhyolite. Về hình dáng có thể so sánh chúng với sư tập Hà Giát, Chợ Trời, Đồng Cầu (vịnh Hạ Long) và những chiếc riu trong văn hoá Bắc Sơn; những riu ngắn Giáp Khẩu giống kiểu riu ngắn trong văn hoá Hoà Bình, những chiếc riu hình tam giác, công cụ mũi nhọn ở đây gần với di vật cùng loại trong sơn khổi Bắc Sơn. Tuy nhiên, về kỹ thuật chế tác, công cụ Giáp Khẩu có vẻ tiến bộ hơn công cụ Hoà Bình như đã gặp ở Hoà Bình, Quảng Bình hoặc Lào. Tác giả cho rằng, Giáp Khẩu là một địa điểm Hoà Bình ngoài trời, niên đại muộn (Saurin 1956: 592).

Có thể nói, trước năm 1957, các học giả nước ngoài đã đặt được những mốc quan trọng cho tiền sử Quảng Ninh với sự có

mặt của văn hoá Đa đô la – văn hoá của cư dân sử dụng rìu mài toàn thân và văn hoá của cư dân Hoà Bình muộn – những người sử dụng công cụ ghè đẽo và rìu mài lưỡi. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa các văn hoá này vẫn chưa được phác thảo.

1.2. Thế rồi, thế chiến thứ hai nổ ra, tiếp đến là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và việc hàn gắn vết thương sau chiến tranh diễn ra ở miền Bắc, nên công cuộc tìm kiếm thăm dò nghiên cứu khảo cổ học nơi đây bị ngưng trệ. Phải đến những năm đầu của thập kỷ 60, các nhà khảo cổ học Việt Nam mới trở lại phúc tra các địa điểm khảo cổ do người Pháp làm trước đây, đồng thời phát hiện mới một số địa điểm tiền sử.

Mở đầu là việc phát hiện di chỉ Soi Nhụ vào năm 1964 và khai quật vào năm 1967 của cán bộ Đội Khảo cổ (nay là Viện Khảo cổ học) và Bảo tàng Quảng Ninh. Di chỉ Soi Nhụ có 3 hang: Hang Trên, Hang Giữa và Hang Dưới. Khai quật Hang Giữa cho thấy trầm tích chứa vỏ nhuyễn thể, công cụ ghè đẽo, công cụ mài lưỡi, đồ gốm, vỏ nhuyễn thể nước ngọt và nước mặn, có niên đại C14 là 14.125 180 (Bln1957/I); 15.560 180 (Bln1957/II) và 14.460 60 (Bln 3333/I) (Đỗ Văn Ninh 1967). Đây là di chỉ có niên đại C14 cổ nhất được biết hiện nay ở Quảng Ninh.

Tiếp sau Soi Nhụ, một loạt cuộc điều tra khảo sát khảo cổ học ở tỉnh Quảng Ninh được tiến hành. Năm 1974, cán bộ Viện Khảo cổ học khảo sát các hang: Đồng Đăng, Hà Lũng và Hang Dơi (huyện Hoành Bồ). Tầng văn hoá của 3 hang này đều chứa vỏ ốc suối, ốc núi, một ít vỏ sò biển; xương răng động vật, cùng đồ gốm

trang trí văn thừng và công cụ đá ghè đẽo, chày nghiền, hòn kê (Nguyễn Văn Hảo, Nguyễn Khắc Sử 1976: 58). Năm sau, Nguyễn Văn Hảo đào thám sát di chỉ Đồng Đăng và cho rằng, hang này tương đồng với các di tích Soi Nhụ, Hà Lũng (Quảng Ninh), Eo Bùa, Tùng Bồ (Cát Bà, Hải Phòng) và là người đã kế thừa trực tiếp văn hoá Bắc Sơn (Nguyễn Văn Hảo 1975: 109). Di chỉ Hà Lũng có niên đại C14 là 6.480 40 năm BP.

Năm 1977-1978, cán bộ Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Ty Văn hoá Quảng Ninh tiến hành khảo sát di tích Tấn Mài, xã Quảng Đức, huyện Quảng Hà, địa điểm này do Nguyễn Đăng Đạt phát hiện trước đó. Trương Hoàng Châu nghiên cứu sưu tập 80 hiện vật Tấn Mài cho biết ở đây có các loại hình: rìu tay, nạo hình rìu, công cụ chày đập thô, mũi nhọn, công cụ hình đĩa và hình bầu dục. Theo ông, những di vật này thuộc sơ kỳ thời đại đá cũ, niên đại muộn hơn Núi Đọ một chút (Trương Hoàng Châu 1977:38).

Sau đó, di chỉ đá cũ Tấn Mài cũng được nhắc đến trong một vài ấn phẩm khảo cổ Việt Nam, song khá dè dặt, thậm chí có ý kiến nghi ngờ. Mới đây, những người làm công tác Bảo tàng Quảng Ninh đã khảo sát lại Tấn Mài và thu thập ở đây thêm 25 hiện vật nữa. Trong đó có 4 công cụ ghè đẽo làm từ rhyolite và basalt ở lòng suối. Theo Trần Trọng Hà, những công cụ này khác với loại đá cát kết ở sườn đồi Tấn Mài và là cơ sở để xác nhận sự có mặt của cư dân cổ ở đây (Trần Trọng Hà 2001).

Mùa diên dã 1997, cán bộ Viện Khảo cổ học triển khai điều tra khảo sát di chỉ Con Ngựa (Mã Chấu) trên quần đảo Cô

Tô, đã thu lượm được 1 hòn kê, 3 công cụ ghè đẽo hình bầu dục, 4 công cụ chặt thô. Theo Bùi Vinh, những công cụ này mang đặc trưng công cụ Hoà Bình, tồn tại vào thời điểm hòn đảo này còn gắn với đất liền (Bùi Vinh, Đào Quý Cảnh, Trần Hà 1997: 87).

Cùng năm, Hà Hữu Nga đã khảo sát các hang: Bồ Quốc (huyện Hoàn Bồ), Thiên Long (đảo Dầu Gỗ) ghi nhận vết tích cư trú của cư dân Tiên Hạ Long qua dấu tích còn lại của vỏ ốc nước ngọt, mặc dù đều chưa tìm thấy công cụ đá ghè đẽo. Hà Hữu Nga dự đoán: Hang Thiên Long cổ hơn hang Bồ Quốc, có tuổi 15.000 năm BP (Hà Hữu Nga, 1997a:90; 1998:132-133). Hang Mê Cung và hang Tiên Ông cũng được Hà Hữu Nga khảo sát vào thời gian này. Hang Mê Cung bị cải tạo hoàn toàn, còn vỏ ốc suối, ốc núi bị vớt lại trong một hốc đá. Tác giả đoán niên đại hang Mê Cung tương đương với văn hoá Hoà Bình, Bắc Sơn. Hang Tiên Ông có bình đồ giống Hang Đục (Grot du Ciseau) mà J.G. Anderson nghiên cứu năm 1938. Trên mặt hang tìm thấy một số viên cuội rhyolite ghè đẽo thô sơ không định hình.

Năm 1998 -1999, cán Bảo tàng Quảng Ninh đã phát hiện di chỉ Núi Hứa ở xã Đại Bình, huyện Quảng Hà. Sưu tập có 195 tiêu bản, trong đó 175 công cụ ghè đẽo và 17 công cụ mài. Về công cụ ghè đẽo có 75 mũi nhọn, 2 công cụ mũi nhọn 2 đầu, 18 phác vật rìu, 8 công cụ hình đĩa, 19 công cụ tam giác, 42 công cụ dạng rìu tay, 4 công cụ chặt, 3 công cụ hình bầu dục, 2 công cụ đá ghè tròn. Trong 17 công cụ có vết mài gồm: 10 công cụ mài lan thân, 5 rìu mài lưỡi, 2 rìu có vai (Trần Minh 2000: 139). Những người sưu tập cho rằng, sự có mặt nhiều

công cụ ghè đẽo ở đây đã thể hiện rõ sự kế tục đậm nét của truyền thống Hoà Bình – Bắc Sơn, có các yếu tố giai đoạn sớm sau Bắc Sơn kéo dài tới giai đoạn sớm Hạ Long (Trần Trọng Hà 2000: 136). Năm 1998, phát hiện địa điểm Hòn Ngò (xã Đông Hải, Tiên Yên) sưu tập 96 hiện vật đá và 10 mảnh gốm. Đồ đá có các loại: 15 mũi nhọn 1 đầu, 5 mũi nhọn 2 đầu, 8 công cụ hình bầu dục, 1 công cụ hình bàn là, 5 công cụ hình đĩa, 2 công cụ hình tam giác, 5 công cụ chặt, 8 công cụ không định hình, 1 cuốc đá, 1 mảnh tước tu chỉnh. Công cụ mài có 27 tiêu bản: 2 rìu tứ giác, 1 bôn tứ giác, 4 rìu mài lưỡi, 5 rìu mài lan thân, 6 rìu có vai, 3 rìu có vai có nấc, 5 rìu không có vai, 1 đục đá (Trần Minh 2000: 139). Theo Bùi Vinh, sưu tập đá Hòn Ngò giống Thoi Giếng (Móng Cái), Cái Bèo (Cát Bà) và Hải Tân (Phòng Thành, Nam Ninh, Trung Quốc) (Bùi Vinh, Trần Trọng Hà 200:138). Hoàng Xuân Chinh cho rằng: Công cụ Hòn Ngò và Núi Hứa không giống công cụ văn hoá Hoà Bình và cũng khác và cổ hơn Thoi Giếng, Cái Bèo. Hai địa điểm này có nét gần với các di tích ở Triều An và Đông Hưng (Quảng Tây), niên đại cách nay 5-6 nghìn năm (Hoàng Xuân Chinh 2000:143). Cùng năm, Trình Năng Chung và Hà Hữu Nga phát hiện hang Trinh Nữ và Hang Trống, trong đó Hang Trống thuán vỏ ốc nước ngọt. Các tác giả cho rằng Hang Trống gần với Hang Soi Nhụ (Trình Năng Chung và Hà Hữu Nga 2001:116).

Phải nói rằng, từ 1964 đến nay, cán bộ khảo cổ trung ương và bảo tàng địa phương đã phát hiện ở Quảng Ninh thêm nhiều di tích khảo cổ có vết tích ốc suối hoặc công cụ ghè đẽo khác di vật văn hoá Hạ Long. Cũng đã có một số bài báo viết

về tiền sử vùng này. Trong đó, đáng chú ý là quan điểm cho rằng có một giai đoạn đá cũ ở Quảng Ninh của Trần Trọng Hà (2001) và có một văn hoá Soi Nhụ ở Quảng Ninh – Hải Phòng với 3 giai đoạn phát triển trong khung niên đại từ trước 18.000 năm đến 7.000 năm cách ngày nay của Hà Hữu Nga (Hà Hữu Nga 1997b: 91-94). Tuy nhiên, tất cả các vấn đề đưa ra hầu như chưa được thảo luận trên cơ sở phân tích cận kề tư liệu khảo cổ học hiện biết ở vùng này. Và Hội thảo khoa học lần này, là một cơ hội tốt để chúng ta thảo luận sâu kỹ hơn đi vào thực chất của vấn đề.

## II. THẢO LUẬN

2.1. Trước hết xin thảo luận vấn đề *có hay không thời đại đá cũ ở Quảng Ninh*. Năm 1978, Trương Hoàng Châu và Quang Văn Cây đã phân loại 80 hiện vật đá thu lượm ở Tấn Mài và cho rằng chúng thuộc sơ kỳ đá cũ, muộn hơn Núi Đọ một chút (Trương Hoàng Châu 1978:38; Quang Văn Cây 1978:88).

Ngay sau công bố đó, chúng tôi đã khảo sát kỹ sưu tập này tại Bảo tàng Lịch sử. Sưu tập đều là đá cát kết, khá mềm. Những vết vỡ trên mặt hiện vật không rõ ràng và thiếu hệ thống. Hình dáng và kỹ thuật ghè đẽo hiện vật Tấn Mài không giống với những công cụ đá cũ hiện biết ở Núi Đọ. Như chúng ta đều biết, hiện vật Núi Đọ đều làm từ đá basalte, vết ghè của con người trên các chế phẩm là rõ ràng. Song vấn đề niên đại đá cũ của Núi Đọ cũng còn đang thảo luận. Là một trong số những người khai quật và nghiên cứu các sưu tập đá ở Núi Đọ, tôi cho rằng, những chế phẩm hiện còn ở Núi Đọ mà người ta gọi là rìu tay, bôn tay đặc trưng cho đá cũ

châu Âu, thật ra là các công đoạn: khai thác đá, ghè tách tạo phác vật, tu sửa sơ bộ phác vật rìu tứ giác của cư dân thời đại đồng thau. Núi Đọ là một công xưởng chế tác rìu tứ giác niên đại đồng thau (Nguyễn Khắc Sử 1989:9).

Vấn đề niên đại đá cũ Tấn Mài tương như kết thúc ở đó. Mới đây, Trần Trọng Hà lại thấp lèn tia hy vọng tìm thấy di tích đá cũ ở Quảng Ninh tại địa điểm Tấn Mài, nhưng không phải sườn đồi mà ở lòng suối, khi phát hiện 4 công cụ ghè đẽo làm từ rhyolite và basalt. Từ phát hiện này, tác giả vẫn coi Tấn Mài là di tích thời đại đá cũ (Trần Trọng Hà 2001:14). Trong đợt khảo sát thực địa Tấn mài, Trình Năng Chung cho rằng, trên sườn đồi không có dấu vết nào minh chứng cho vết tích cư trú của người cổ. Tại đây có rất nhiều những viên phiến thạch khá mềm không thể dùng làm nguyên liệu chế tác công cụ được. Do vậy, chưa có bằng chứng nào cho thấy, Tấn Mài là địa điểm thời đại đá cũ (Trình Năng Chung và Hà Hữu Nga 1999).

Cũng thuộc thời đại đá cũ, theo Trần Trọng Hà ở Quảng Ninh còn có 2 địa điểm nữa là Cồn Cổ Ngựa (Mã Châu, Cô Tô) và hang Thương Bình (Hoàng Tân, Yên Hưng) (Trần Trọng Hà 2001). Như chúng ta đều biết, địa điểm Cồn Cổ Ngựa chính là đảo Con Ngựa mà Bùi Vinh đã phát hiện và công bố năm 1997. Tại đây đã thu lượm được 1 hòn kê, 3 công cụ ghè đẽo hình bầu dục, 4 công cụ chặt thô mang đặc trưng công cụ Hoà Bình, tồn tại vào thời điểm hòn đảo này còn gắn với đất liền (Bùi Vinh, Đào Quý Cảnh, Trần Hà 1997: 87). Còn hang Thương Bình, thật ra là tên khác của hang Đầu Rằm mà Trần Minh

thông báo mới đây. Theo Trần Minh, trong khối trầm tích gắn kết khá chắc ở Đầu Rằm có vỏ ốc suối và ốc núi, xương răng động vật và 1 công cụ đá. Công cụ được làm từ 1/2 viên cuội hình bầu dục, có vết chặt ngang làm đốc, một đầu hẹp được tạo rìa lưỡi, vết ghè trên 1 mặt. Tác giả cho rằng, hang này có niên đại văn hoá Hoà Bình (Trần Minh 2001:108-109).

Tôi có cơ may được xem lại công cụ ở đảo Con Ngựa và khối trầm tích hang Đầu Rằm. Về loại hình và kỹ thuật các sưu tập đồ đá này mang đặc trưng thời đại đá mới. Còn niên đại khối trầm tích chưa đủ chứng cứ xác nhận có tuổi Pleistocene. Tuy nhiên sự có mặt của riu ngắn ở trong trầm tích này là cơ sở xác nhận chúng không phải là di tích thời đại đá cũ.

Với tư liệu hiện biết và phân tích ở trên, tôi cho rằng, ở Quảng Ninh vẫn còn trống vắng giai đoạn đá cũ với đúng nghĩa của nó. Nhận ra sự thật lịch sử ấy, chúng ta có nhận thức mới về tiền sử Quảng Ninh và có những định hướng mới cho việc điều tra, phát hiện khảo cổ học thời đại đá cũ, thậm chí cả di tích hoá thạch người trên vùng đất thân yêu của Tổ quốc.

2.2. Khái niệm *văn hoá Soi Nhụ* và 3 giai đoạn phát triển của nó là do Hà Hữu Nga đề xuất năm 1997 trên cơ sở xác định những đặc trưng chung cho 26 địa điểm tiền sử ở Quảng Ninh và Hải Phòng (Hà Hữu Nga 1997b: 92). Quan điểm đó được khẳng định lại trong cuốn *Hạ Long thời tiền sử* mà tác giả viết chung với Nguyễn Văn Hảo, xuất bản năm 1999 (Hà Hữu Nga, Nguyễn Văn Hảo 1998:43). Luận điểm này đã nhận được sự ủng hộ của Giáo sư Hà Văn Tấn trong *Lời giới thiệu*

cuốn sách đó (Hà Văn Tấn 1998:7).

Theo Hà Hữu Nga, văn hoá Soi Nhụ có một số đặc trưng như sau: Cư dân văn hoá Soi Nhụ phân bố trong các hòn núi đá vôi thuộc vịnh Hạ Long và Bái Tử Long, các hang động ven bờ các huyện Cẩm Phả, Hòn Gai, Hoành Bồ, trên địa hình vùng đồng bằng cổ ven núi, ven biển. Người Soi Nhụ cư trú trong hang động và mái đá, tích tụ tầng văn hoá là nhuyễn thể nước ngọt, cùng xương thú, ít nhuyễn thể biển. Công cụ đá không thuộc phức hợp Sumatralith, công cụ ghè đẽo một mặt, một số làm từ đá vôi ghè sơ qua. Người Soi Nhụ sống gần biển, chịu nhiều chi phối của biển hơn. Có quan hệ với người Bắc Sơn qua riu mài lưỡi.

Văn hoá này có 3 giai đoạn phát triển: Giai đoạn sớm niên đại trước 18.000 năm BP tiêu biểu là hang Thiên Long và hang Mê Cung, giai đoạn giữa niên đại 15.000-8.000 năm BP tiêu biểu là các hang Soi Nhụ, Tiên ông, Bồ Quốc, giai đoạn muộn trên dưới 7.000 năm BP tiêu biểu là các hang Hà Lùng, Hang Dơi, Eo Bùa, Áng Giữa, Tùng Bồ.

Trước hết, chúng ta phải trở lại tư liệu thực của 16 địa điểm ở Quảng Ninh mà tác giả đã xếp vào văn hoá Soi Nhụ, đó là: Đảo Sinh Đồi, Chũ Thập, Yên Ngựa, Hang Hàu, Hang Ốc, Thiên Tinh và Hang Dục, Soi Nhụ, Đồng Đặng, Hà Lùng, Hang Dơi, Phương Nam, Bồ Quốc, Thiên Long, Mê Cung và Tiên Ông (chưa kể 10 địa điểm khác là ở đảo Cát Bà, Hải Phòng: Eo Bùa, Tùng Bồ, Khoanh Mui, Bờ Đá, Chuông Dê, Tiên Đức, Hang Luồn, Hang Ma, Áng Giữa và Bồ Nâu).

Như chúng ta đã biết, hiện nay 2 trong

số 16 địa điểm đó đã được khai quật. Số còn lại chỉ mới được khảo sát trên bề mặt. Về 2 địa điểm đã khai quật, trước hết là địa điểm hang Hà Giắt (Ha Yart) do M.Colani đào năm 1937. Tư liệu hang này, bà công bố không đầy đủ. Hiện nay, tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam có 68 hiện vật đá sưu tập ở Hà Giắt. Nguyễn Gia Đồi đã phân loại sưu tập này và thấy rằng, ở đây có 7 công cụ hình tam giác, 5 công cụ gần rìu ngắn, 22 công cụ hình bầu dục, đầu nhọn, 9 công cụ gần hình đĩa, 1 rìu tay. Số còn lại là chày, hòn nghiền, hòn kê. Tác giả ghi nhận, sưu tập Hà Giắt thuộc văn hoá Hoà Bình niên đại muộn (Nguyễn Gia Đồi 1991:31). Nguyễn Tuấn Lâm cũng khảo sát sưu tập Hà Giắt và khẳng định sưu tập này mang đậm đặc trưng của công cụ đá ghè đẽo Hoà Bình, nổi bật nhất là 5 chiếc rìu ngắn, 9 công cụ hình đĩa, 22 công cụ hình bầu dục (Nguyễn Tuấn Lâm 1992:53). Như chúng ta đều biết, công cụ hình bầu dục, hình đĩa và rìu ngắn Hà Giắt là đặc trưng cho kỹ thuật chế tác đá trong văn hoá Hoà Bình (*Bản vẽ 3, h.1-4*). Văn hoá Hoà Bình được đa số các nhà nghiên cứu thừa nhận là văn hoá sơ kỳ đá mới, niên đại kéo dài từ 18.000 năm đến 7.000 năm cách ngày nay.

Hang Soi Nhụ do Đỗ Văn Ninh khai quật. Trong đó, Hang Trên không có vết tích văn hoá của con người. Hang Dưới mặt hang phủ nhũ, có một tầng vỏ ốc, chủ yếu là ốc tai bị vỡ chôn. Hang Giữa là sự tiếp nối của hang dưới, đã được khai quật. Hiện vật đá ở đây không nhiều, loại hình nghèo nàn, kỹ thuật chế tác thô sơ, gồm 2 nạo mảnh tước, 3 rìu mài sơ, 2 mảnh bàn mài, 1 chày, 2 hòn cuội tự nhiên (*Bản vẽ 2, h.1-8*). Xin nói thêm ở Soi Nhụ không có

công cụ làm từ đá vôi. Đồ gốm rất ít, được làm từ đất sét pha cát hạt thô, lẫn đốm trắng, nặn tay, độ nung thấp, vân thừng hoặc chải (*Bản vẽ 2, h.9*). Tàn tích thức ăn trong hang gặp: gặp 1 mảnh xương bò, 400 đốt sống cá, rất nhiều vỏ các loài ốc biển như ốc tai, vỏ hà, vỏ vạng, vỏ sò... chúng tích tụ thành tầng dày 1,5m, kết lại với đất rất cứng, bám chặt vào vách đá. Tại đây tìm thấy di cốt của 2 nam, 3 nữ mang đặc trưng chủng tộc *Australo Negroit* (Đỗ Văn Ninh 1967).

Mặc dù niên đại C14 của Soi Nhụ từ vỏ ốc là 14.125 180 (Bln1957/I); 15.560 180 (Bln1957/II) và 14.460 60 (Bln 3333/I) đã được biết đến, song các chuyên gia nghiên cứu tiền sử vùng Đông Bắc vẫn giữ quan điểm của mình về niên đại hang Soi Nhụ. Năm 1984, khi bàn về tính chất và niên đại hang Soi Nhụ, Nguyễn Văn Hảo cho rằng những công cụ đá, những vỏ ốc tích tụ trong tầng văn hoá có thể xếp vào trung kỳ đá mới, còn đồ gốm ở đây lại có niên đại hậu kỳ đá mới (Nguyễn Văn Hảo 1984:41-42). Khi phân tích loại hình và kỹ thuật chế tác công cụ đá ở hang Soi Nhụ, Nguyễn Tuấn Lâm cho rằng, công cụ đá ở đây nhất là rìu mài lưỡi mang đặc trưng văn hoá Hoà Bình muộn và có nét khác với rìu Bắc Sơn (Nguyễn Tuấn Lâm 1992: 53). Còn chính người khai quật hang này, sau 30 năm nhìn lại vẫn khẳng định trong cuốn *Huyện đảo Vân Đồn*, rằng Soi Nhụ là hang cư trú một cộng đồng nhỏ, niên đại trung kỳ đá mới, cách đây hơn chục nghìn năm (Đỗ Văn Ninh 1997:28).

Những di vật tìm thấy ở hang Soi Nhụ gồm: Công cụ ghè đẽo, công cụ mảnh tước, rìu mài lưỡi, bàn mài và đồ gốm là một tổ hợp thống nhất của một nhóm cư dân.

Những công cụ ghè đẽo bảo lưu kỹ thuật Hoà Bình, những công cụ rìu mài lưỡi và bàn mài ở đây giống với rìu mài trong địa điểm Eo Bùa (đảo Cát Bà) và không khác gì rìu cuội mài lưỡi trong các địa điểm văn hoá Hoà Bình, nhất là Hoà Bình muộn. Ngoài vỏ ốc nước ngọt, ở đây còn có vỏ nhuyễn thể biển như sò, vich, ngao... Về niên đại C14 ở Soi Nhụ với tuổi 14.125 ± 180 BP, có phần bất chính hợp với trình độ mà cư dân Soi Nhụ đạt được, nếu so sánh trên bình tuyến Hoà Bình – Bắc Sơn. Sự bất chính hợp đó có thể là do khâu lấy mẫu. Chúng ta nên tiến hành lấy mẫu mới và kiểm tra lại kết quả này. Rõ ràng, tổ hợp hiện vật ở Soi Nhụ tuy nghèo nàn nhưng vẫn phản ánh những yếu tố khá đặc trưng cho Hoà Bình – Bắc Sơn.

Không chỉ tổ hợp công cụ đá ở Hà Giắt và Soi Nhụ, mà các sưu tập hiện vật ở Giáp Khẩu mà E.Saurin công bố, ở đảo Con Ngựa mà Bùi Vinh đã thông báo hoặc một phần sưu tập Núi Hứa mà Trần Trọng Hà đã xác định đều mang đặc trưng văn hoá Hoà Bình – Bắc Sơn, nhất là sự có mặt của công cụ hình đĩa, rìu ngắn và rìu mài lưỡi (*Bản vẽ 1, h.1-7*). Trong các địa điểm này, tuyệt nhiên chưa tìm thấy công cụ bằng đá vôi. Với các lý do trên, việc tách các di tích này thành một văn hoá riêng là không cần thiết và chưa đủ dữ liệu để xác lập một văn hoá độc lập, khác với văn hoá Hoà Bình – Bắc Sơn đã biết ở Việt Nam.

Cũng xin nói thêm, ngoài các địa điểm nói trên, tư liệu thực địa ở các địa điểm còn lại chưa cho chúng ta những thông tin khả dĩ có thể tin cậy để xếp vào văn hoá Soi Nhụ. Chẳng hạn trường hợp thám sát 4m<sup>2</sup> hang Đồng Đăng cho thấy lớp vỏ ốc

nước ngọt dày 10cm, nằm dưới lớp ốc biển, tìm thấy 1 hòn đập, 2 cục thổ hoàng, một số mảnh gốm. Mà đồ gốm ở đây, theo Nguyễn Văn Hảo lại giống gốm lớp dưới di chỉ Cái Bèo. Về vấn đề này, Nguyễn Văn Hảo có lý khi cho rằng, di chỉ Đồng Đăng có những nét gần với Soi Nhụ, Hà Lũng (Quảng Ninh), Eo Bùa, Tùng Bồ (Cát Bà, Hải Phòng) và chủ nhân nhóm các di tích này là người đã kế thừa trực tiếp văn hoá Bắc Sơn (Nguyễn Văn Hảo 1975: 109).

Hoặc một loạt di tích do Hà Hữu Nga khảo sát như hang Tiên ông, Bồ Quốc, Thiên Long, Mê Cung ngoài vỏ ốc nước ngọt ra, ở đây chỉ nhặt được vài tiêu bản đồ đá trên mặt hang, chủ yếu là chày và hòn nghiền. Một số địa điểm khác chỉ mới khảo sát trên mặt và ghi nhận có vỏ ốc nước ngọt mà không có công cụ đá như trường hợp các hang: Yên Ngựa, Hang Hàu, Hang ốc, Thiên Tinh, Hang Đục, Hang Dơi, ...

2.3. Việc phân chia các giai đoạn phát triển tiền sử Quảng Ninh như các công trình công bố hiện nay khi đối chiếu với thực tế tư liệu khảo cổ như đã trình bày thì rõ ràng là chưa đủ độ tin. Như chúng ta đều biết, để phân chia các giai đoạn phát triển tiền sử, người ta căn cứ vào tài liệu địa tầng, đặc trưng di vật trong từng tầng văn hoá, xác định các mức sớm và muộn, được kiểm định bằng niên đại tuyệt đối.

Hiện nay ở Quảng Ninh chưa có địa điểm nào có 2 tầng văn hoá, để xác định đặc điểm về di tích và di vật cho mỗi tầng sớm - muộn. Cho nên chưa có cứ liệu nào để biết địa điểm này sớm, địa điểm kia muộn hơn. Không có tài liệu địa tầng, các nhà khảo cổ căn cứ vào tổ hợp công cụ qua



phân tích loại hình – kỹ thuật học so sánh. Như đã nói, một loạt các địa điểm liệt kê ra xếp vào giai đoạn này hay giai đoạn kia cũng không tìm thấy công cụ đá, ngoài một số viên cuội có vết sử dụng như chày và hòn nghiền. Nghĩa là vẫn còn thiếu dữ liệu để phân tích so sánh loại hình – kỹ thuật học. Về niên đại tuyệt đối, ở Quảng Ninh mới chỉ có 2 địa điểm được phân tích C14 là Soi Nhụ và Hà Lũng, còn tất cả các địa điểm khác chưa biết tuổi tuyệt đối của nó. Thế nên việc vạch ra các bình tuyến : Trước 18.000 năm BP cho các địa điểm Thiên Long và hang Mê Cung, 15.000-8.000 năm BP cho các hang Soi Nhụ, Tiên ông, Bồ Quốc và trên dưới 7.000 năm BP cho Hà Lũng, Hang Dơi lúc này là chưa đủ cơ sở khoa học.

2.4. Về phần mình, tôi cho rằng, muốn hiểu về tiền sử Quảng Ninh phải đặt chúng trong nền cảnh địa lý nhân văn tiền sử vùng biển Hạ Long và Bái Tử Long, nếu không nói rộng hơn là cả vùng Đông Bắc Việt Nam. Như vậy, chúng ta không tự trói mình trong biên giới hành chính hiện đại. Mọi kết luận hay giả thiết đưa ra đều phải dựa trên cơ sở tư liệu khảo cổ, một nguồn sử liệu vật thật chân xác. Song việc sử dụng chúng phải có sự phân tích, đối chiếu cận kề và khách quan. Với tinh thần đó, tôi xin có một vài ghi chú nhỏ về khảo cổ học tiền sử Quảng Ninh, giai đoạn trước văn hoá Hạ Long.

Tiền sử Quảng Ninh gắn liền với sự dao động mực nước đại dương, gắn với tiền sử vùng Đông Bắc Việt Nam, gắn với cư dân tiền sử Hoà Bình – Bắc Sơn và trước hết với cư dân tiền sử trên đảo Cát Bà (Hải Phòng) (Nguyễn Khắc Sử 1986:17; 1995: 6; 1997:16) và cả với cư dân ven biển

Nam Trung Quốc (Hoàng Xuân Chinh 2000:141).

Như chúng ta đã biết, đợt biển tiến Flandrian xảy ra vào thời gian 17.000 - 9.000 năm BP đã cắt rời một bộ phận Đông Nam Á hải đảo khỏi Đông Nam Á lục địa. Đây cũng là thời điểm tồn tại và phát triển mạnh của cư dân văn hoá Hoà Bình (17.000 – 7.000) và cư dân văn hoá Bắc Sơn (11.000 – 7.000) năm BP. Phần lớn cư dân Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn sống trong hang động đá vôi và xa biển. Nhưng trong một cư dân Hoà Bình – Bắc Sơn sống khá xa biển, họ đã biết đến những tặng vật của biển. Một số vỏ ốc biển (*cypreae*) thường thấy chôn trong mộ Hoà Bình có niên đại muộn. Hẳn đây là những vật trao đổi với cư dân biển vùng. Những người trao đổi tặng vật biển ấy là ai trong số những người tiếp cận biển đầu tiên vào thời kỳ này.

Tư liệu khảo cổ học ở vùng biển Đông Bắc bước đầu giải mã cho câu hỏi đó. Có một bộ phận cư dân văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn đã tiến sát vùng đồng bằng cửa sông, thậm chí có mũi đã tiến sát bờ trước đợt biển tiến Holocene trung khoảng 7.000 năm trước. Trong tình hình tư liệu hiện nay, ít nhất ghi nhận sự có mặt của nhóm cư dân ở các địa điểm: Soi Nhụ, Hà Giát, Giáp Khẩu, Con Ngựa (Quảng Ninh) thực sự là đại diện cho lớp cư dân Hoà Bình đầu tiên cư trú ở vùng này. Những người có trong tay những công cụ cuội mà phần lớn vẫn bảo lưu kỹ thuật truyền thống như công cụ hình đĩa, rìu hình hạnh nhân, rìu ngắn Hoà Bình và rìu mài lưỡi Bắc Sơn. Trên miền đất mới, những nhóm cư-dân Hoà Bình – Bắc Sơn này không chỉ giam mình trong những hang động mà đã

vươn ra cư trú ngoài trời. Họ bắt đầu biết đến làm gốm dù còn rất thô sơ, đẩy nhanh kỹ thuật mài công cụ đá, khai thác nguồn động thực vật trên cạn và hẳn là những người đầu tiên ở đây tiếp xúc và khai thác biển, dù rằng đến nay, chúng ta vẫn chưa tìm thấy những công cụ chuyên dụng khai thác biển trong nhóm cư dân này (Nguyễn Khắc Sử 1997:18-19).

Cũng xin nói thêm, trong quá trình chuyển cư, một bộ phận cư dân Hoà Bình - Bắc Sơn tiến dọc ven biển cổ từ Hà Nam, Tam Điệp (Ninh Bình) cho đến tận Quảng Bình, Quảng Trị. Tại những vùng đất ấy, biển ở trước mặt, nhưng cư dân thời đó vẫn quay lưng lại với biển, kiên trì truyền thống định cư trong hang, khai thác sản vật từ thung lũng karst. Họ đã tiếp cận biển nhưng không khai thác biển.

Trong khi đó, những cư dân cổ vùng biển Đông Bắc đã bắt đầu khai thác biển, bằng chứng là vỏ sò, vỏ vech, vỏ ngao trong địa tầng di chỉ Soi Nhụ. Tuy nhiên, mức độ khai thác còn rất nhỏ. Dường như truyền thống ở hang, chế tác công cụ cuội và khai thác nhuyễn thể nước ngọt Hoà Bình - Bắc Sơn vẫn níu kéo họ, ít nhiều làm chậm lại sự tiếp cận, giao thoa và hoà nhập với môi trường biển. Cũng có thể trình độ kỹ thuật làm bè mảng và kinh nghiệm khai thác biển thời đó chưa cho phép họ vươn tới một văn hoá biển thực sự như con cháu họ ở đây trong văn hoá Hạ Long. Dầu sao, khi sống trong môi trường cửa sông ven biển, nước biển dâng lên, kéo theo sự thay đổi của đường bờ, sự ấm dần lên của nhiệt độ và độ ẩm, chắc hẳn sẽ tác động đến văn hoá tiền sử vùng này. Và những biến động ấy sẽ được ghi nhận qua thành phần phổ phấn hoa, tàn tích thực

ăn, đặc trưng công cụ mà người Tiền Hạ Long ở Quảng Ninh còn để lại.

Trong những năm trở lại đây, khảo cổ học tiền sử trên đảo Cát Bà được nghiên cứu tương đối có hệ thống. Các nhà khảo cổ đã phát hiện ở đây một loạt địa điểm có tầng văn hoá, còn bảo lưu tương đối tốt các di tích và di vật ở trong hang lẫn ngoài trời. Một số di tích được phân tích niên đại tuyệt đối. Di chỉ Cái Bèo có 3 lớp văn hoá, lớp dưới cùng thuộc trung kỳ đá mới và cổ hơn văn hoá Hạ Long, có niên đại 5.645 115 năm BP (Nguyễn Khắc Sử 1997:21).

Mới đây, một số địa điểm khác ở Cát Bà được phân tích niên đại C14. Mẫu vỏ ốc núi tại địa điểm Áng Mả, ở độ sâu 0,8m, cho niên đại 25.510 220 BP. Mẫu vỏ ốc núi ở độ sâu 0,6, địa điểm Mái đá Ông Bẫy cho kết quả 16.630 120BP. Một loạt mẫu vỏ sò biển, ngao biển, mảnh hà trong lớp sinh thổ cát vàng sáng ở địa điểm Bãi Bến, cho niên đại từ 3.180 50BP đến 4070 50BP.

Từ các mẫu niên đại C14 đã biết, Nguyễn Kim Dung đã phân chia tiền sử Cát Bà thành 3 giai đoạn phát triển: Giai đoạn sớm (25.000-15.000 năm) gồm hệ thống các hang động: Áng Giũa, Tiên Đức, Áng Mả, Mái đá Ông Bẫy, Giếng Ngôé. Giai đoạn giữa (10.000-6.000 năm) gồm các hang: Eo Bùa, lớp trên Giếng Ngôé, Hang Dơi và các di tích ngoài trời: Cái Bèo (lớp dưới), Ao Cối, Vạ Bạc. Giai đoạn muộn (6.000-3000 năm) thuộc văn hoá Hạ Long gồm: Cái Bèo (lớp giữa và lớp trên), Bãi Bến, Cát Đồn, Gò Miếu Gôi (Nguyễn Kim Dung 2001: 184-188).

Thật ra, trong các địa điểm xếp vào nhóm di tích có niên đại 25.000- 15.000

nằm ở Cái Bà đều chưa tìm thấy tổ hợp công cụ lao động đá nằm cùng với vỏ ốc được phân tích niên đại. Do vậy, giả thiết này là để tham khảo. Còn các di tích thuộc giai đoạn giữa của tiền sử Cát Bà đã tìm thấy công cụ ghè đẽo và rìu mài lưỡi đặc trưng cho Hoà Bình – Bắc Sơn. Qua so sánh tổ hợp di vật, chúng tôi cho rằng về cơ bản là tương đồng với nhóm di tích: Soi Nhụ, Hà Giát, Giáp Khẩu, Con Ngựa và Núi Hứa ở Quảng Ninh, nằm trong khung niên đại 10.000 - 6.000 năm cách ngày nay. Đó là so sánh trên bình diện chung nhất, còn trong thực tế sự phát triển không đều giữa các tiểu vùng, các đảo, thậm chí từng di tích là điều có thể xảy ra.

2.5. Trên vùng biển mỹ lệ của Tổ quốc, sau những nhất cuộc đầu tiên của các nhà khảo cổ người Pháp và Thụy Điển năm 1937 đến nay đã có nhiều phát hiện mới, nhiều nghiên cứu mới, và cũng khơi nguồn cho những nhận thức mới về một quá khứ xưa đầy biến động trên vùng biển Đông Bắc. Chắc hẳn nhiều người có mặt trong Hội thảo khoa học này sẽ đồng ý với tôi rằng, chúng ta vẫn còn chưa chú ý khai thác sâu kỹ các tư liệu từ các địa điểm đã biết, chưa có nhiều cuộc khai quật khoa học. Và do đó còn hạn chế nhiều trong nhận thức bức tranh toàn cảnh tiền sử Quảng Ninh. Việc tiếp tục khai thác đầy đủ thông tin tư liệu và tìm kiếm các di tích mới, đi sâu nghiên cứu và tổng kết khảo cổ học tiền sử Quảng Ninh là việc làm hết sức bức thiết. Chúng ta tin tưởng rằng, trong một ngày không xa bức tranh tiền sử xa xưa nhất của vùng đất Quảng Ninh sẽ được tái hiện rõ nét hơn, xứng đáng với di sản văn hoá thế giới, kỳ quan mỹ lệ của thiên nhiên. /

## TÀI LIỆU DẪN

- Andersson, J.G., 1939. Archaeological Research in the Fai Tsi Long Archipelago, Tonkin. *The Museum of Far Eastern Antiquities Stockholm Bulletin*, n<sup>o</sup> 11, Stockholm.
- Bùi Vinh, Đào Quý Cảnh, Trần Hà 1997. Điều tra quần đảo Cô Tô (Quảng Ninh) 1997. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1997*, tr.87-89.
- Bùi Vinh, Trần Trọng Hà 2000. Hòn Ngò (Quảng Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, tr. 137-138.
- Colani, M. 1931. Recherches sur le préhistorique indochinois. *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*, 30, (3,4), 299-422.
- Colani, M. 1938. Découvertes Préhistoriques dans les parages de la Baie d'Along. *Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme*, 1, 93-96.
- Colani, M. 1939. Recherches préhistoriques en Baie d'Along. *Cahiers de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*, 14, 12-19.
- Đỗ Văn Ninh 1967. Báo cáo khai quật hang Soi Nhụ. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- Đỗ Văn Ninh 1999. *Huyện đảo Vân Đồn*. UBND huyện Vân Đồn xuất bản.
- Hà Hữu Nga 1997a. Kết quả điều tra khảo cổ học tại Quảng Ninh đầu 1997. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1997*, tr.89 - 91.
- Hà Hữu Nga 1997b. Có một nền văn hoá Soi Nhụ tại khu vực vịnh Hạ Long. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1997*, tr. 91-94.
- Hà Hữu Nga 1998. Phát hiện hang Thiên Long trên vịnh Hạ Long. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1998*, tr. 132-133.
- Hà Hữu Nga 1999. Hai công cụ đá ghè đẽo ở hang Tiên Ông (Quảng Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, tr. 98-100.

- Hà Hữu Nga, Nguyễn Văn Hảo 1998. *Hạ Long thời tiền sử*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Hà Văn Tấn 1998. Lời giới thiệu. Trong *Hạ Long thời tiền sử*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Hoàng Xuân Chinh 2000. Công cụ ghè đẽo vùng duyên hải và hải đảo Đông Bắc. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, tr. 141-143.
- Mansuy, H. 1909. Gisement préhistorique de la caveres de Pho Binh Gia (Tonkin). *L'Anthropologie*, 20, 532-543.
- Mansuy, H., Colani, M. 1925. Néolithique inférieur (Bacsonien) et néolithique supérieur dans le Haut Tonkin avec la description des crâmes du gisement de Lang Cuom. *Mémoires du Service Géologique de L'Indochine*, 12(3), 47p., 14pl.
- Nguyễn Gia Đồi 1991. Một sưu tập đồ đá gần gũi với Cái Bèo. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1991*, tr.31.
- Nguyễn Khắc Sửu 1986. Di chỉ Cái Bèo với tiền sử vùng ven biển Đông Bắc Việt Nam. Trong *Khảo cổ học*, Số 2-1986, tr. 17-26.
- Nguyễn Khắc Sửu 1989. Núi Đọ – Tư liệu và thảo luận. Trong *Khảo cổ học*, Số 2-1989, tr. 1-10.
- Nguyễn Khắc Sửu 1995. Biển với cư dân tiền sử vùng Đông Bắc. Trong *Khảo cổ học*, Số 4-1995, tr. 6-14.
- Nguyễn Khắc Sửu 1997. Văn hoá biển tiền sử Việt Nam – một mô hình giả thiết. Trong *Khảo cổ học*, Số 3-1997, tr. 16-28.
- Nguyễn Kim Dung 2002. Từ kết quả niên đại C14 gần đây ở một số di chỉ khảo cổ học Cát Bà đóng góp thêm một vài suy nghĩ về tiền sử đảo Cát Bà. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2001*, tr. 184-174.
- Nguyễn Tuấn Lâm 1992. Vết tích văn hoá Hoà Bình vùng ven biển và hải đảo Đông Bắc Việt Nam. Trong *Khảo cổ học*, số 2-1992, tr. 49-55.
- Nguyễn Văn Hảo 1975. Trở lại hang Đồng Đăng. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1975*, tr. 106-109.
- Nguyễn Văn Hảo 1984. Niên đại những di vật tìm được ở hang Soi Nhụ năm 1967. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1984*, tr. 41-42.
- Nguyễn Văn Hảo, Nguyễn Khắc Sửu 1976. Tìm kiếm di tích khảo cổ ven biển Quảng Ninh, Thanh Hoá, Quảng Bình. Trong *Khảo cổ học*, số 17-1976, tr. 58-59.
- Quang Văn Cây 1978. Về địa điểm khảo cổ học Tấn Mài mới được phát hiện. Trong *Hai mươi năm hoạt động của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam*. Hà Nội, tr. 89-92.
- Trần Minh 2000. Thống kê loại hình hiện vật phát hiện tại Hòn Ngò (Tiên Yên) và Núi Hứa (Quảng Hà) (Quảng Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, tr.138-141.
- Trần Minh 2002. Phát hiện dấu tích văn hoá Hoà Bình ở hang núi Đầu Rằm (Quảng Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2001*, tr. 108-109.
- Trần Trọng Hà 2000. Địa điểm Núi Hứa. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, tr. 136-137.
- Trần Trọng Hà 2001. Khảo cổ học Quảng Ninh – 65 năm thành tựu và triển vọng. Trong *Hội thảo quốc tế một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam, Tư liệu Viện Khảo cổ học*, tr. 14.
- Trình Năng Chung, Hà Hữu Nga 1999. Báo cáo điều tra khảo cổ học Quảng Ninh. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- Trình Năng Chung, Hà Hữu Nga 2001. Hai di tích hang động mới phát hiện trên vịnh Hạ Long. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2000*, tr. 115-116.
- Trương Hoàng Châu 1978. Góp bàn về di tích đá cũ Tấn Mài (Quảng Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978*, tr. 35-38.
- Saurin, E. 1956. Outillage hoabinhien à Giap Khau, Port-Courbet (Nord Viet Nam). *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*, 48 (1), Saigon, pp.581-592.